

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Trần Thị Kim Thoa;
 2. Ông Nguyễn Văn Trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 750/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 623/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Ánh X, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: số C, tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Phạm Đan T, số A, tổ F, ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phát N, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà C, tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Ánh X trình bày, thông qua mai mối, bà X và ông Nguyễn Phát N kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, vào ngày 02/12/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh một con chung tên Nguyễn Dương Gia H, sinh

năm 2003. Hiện tại, con chung con chung đã thành niên, có khả năng lao động. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên uống rượu, bia, không lo làm ăn để chăm lo kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do con chung đã thành niên; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Bản sao Trích lục kết hôn số 1113/TLKH-BS ngày 13/11/2023 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Dương Ánh X và ông Nguyễn Phát N (với số đăng ký kết hôn 82 ngày 01/12/2002); Giấy khai sinh số 388, quyền số 2/2003 ngày 09/9/2003 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với Nguyễn Dương Gia H (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Phát N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà X và ông N kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà X, ông N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên uống rượu, bia, không lo làm ăn, để chăm lo kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay, bà X yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét thấy, vợ chồng mâu thuẫn từ việc ông N không lo làm ăn để chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, bia dẫn đến vợ chồng không còn sống chung trong thời gian dài. Cả hai không liên lạc, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và bà X xác định không còn tình cảm với ông N. Nếu buộc

bà X, ông N tiếp tục chung sống trở lại thì sẽ không hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông N.

Về con chung, con chung tên Nguyễn Dương Gia H đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do bà X không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Dương Ánh X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phát N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Phát N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà X và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà X xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà X, ông N không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, bà X và ông N thường phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông N nhưng ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà X. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà X, ông N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà X xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia H, sinh năm 2003. Bà X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động.

Xét thấy, con chung tên **Nguyễn Dương Gia H** đã thành niên, có khả năng lao động và bà **X** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **X** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **X** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông **N** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Ánh X**.

1. Về hôn nhân: Bà **Dương Ánh X** được ly hôn với ông **Nguyễn Phát N**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 01/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **C** cấp cho bà **Dương Ánh X** và ông **Nguyễn Phát N** không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do con chung tên **Nguyễn Dương Gia H**, sinh năm 2003 đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà **Dương Ánh X** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014588 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 13 tháng 11 năm 2023; bà **Dương Ánh X** đã nộp đủ án phí.

Ông **Nguyễn Phát N** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà **Dương Ánh X** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông **Nguyễn Phát N** được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình